

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hùng;

Ông Bùi Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố G1, phường G2, thị xã G3, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố G1, phường G2, thị xã G3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022 và bản tự khai - nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G2, huyện G3 (nay là phường G2, thị xã G3), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng cất nhà sinh sống riêng trên phần đất của cha mẹ chồng cho tại khu phố G1, phường G2, thị xã G3, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh T ghen tuông vô cớ và có những lời lẽ xúc phạm chị. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng nhạt dần, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tháng 4-2022 chị thuê phòng trọ và dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2022 cho đến nay, anh T cũng không có thiện chí hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể

hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07-10-1996 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 25-02-2000, các con đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 02 năm 2023:

Anh và chị G chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G2, huyện G3 (nay là phường G2, thị xã G3), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng cất nhà sinh sống riêng trên phần đất của cha mẹ anh cho tại khu phố G1, phường G2, thị xã G3, tỉnh Tây Ninh. Khoảng tháng 4-2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh ghen tuông, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2022 cho đến nay. Anh và chị G có tự hòa giải nhưng không thành, nay anh xin được đoàn tụ vì anh vẫn còn thương chị G. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị G ly hôn thì:

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07-10-1996 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 25-02-2000, các con đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị G và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07-10-1996 và anh Nguyễn Thành L, sinh ngày 25-02-2000 đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị G, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung chung: Chị G, anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị G vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh T chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G2, huyện G3 (nay là phường G2, thị xã G3), tỉnh Tây Ninh vào ngày 14-5-2001.

[2.1] Theo chị G trình bày thì chị và anh T chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ghen tuông vô cớ và có những lời lẽ xúc phạm chị, hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ tháng 4-2022 cho đến nay, nay chị G yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận có ghen tuông, từ đó anh và chị G thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4-2022 cho đến nay. Anh và chị G có tự hòa giải nhưng không thành, nay anh xin được đoàn tụ vì anh vẫn còn thương chị G.

[2.2] Qua xác minh địa phương xác định “Chị G đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ khoảng tháng 4 năm 2022 cho đến nay”. Mặt khác, anh T xin được đoàn tụ nhưng không có thiện chí để hàn gắn hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị G, anh T có 02 người con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07-10-1996 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 25-02-2000 đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị G, anh T không yêu cầu Tòa án xem, giải quyết.

Về nợ chung: Chị G, anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị G đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Lê Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07-10-1996 và anh Nguyễn Thành L, sinh ngày 25-02-2000 đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị G, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị G, anh Nguyễn Văn T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0026960 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị Lê Thị G, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phương Yến

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phương Yên

